



Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

98/UBCK - GP

ngày 18 tháng 9 năm 2008

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Trung Kiên

Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, tòa nhà ARTEXPORT HOUSE (*từ ngày 9 tháng 2 năm 2011*)
2A Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

53 Lương Văn Can, Quận Hoàn Kiếm (*đến ngày 9 tháng 2 năm 2011*)
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-186



Mark E. Jerome

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Dương

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV

Hà Nội, 31-03-2011

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		358.614.305	382.919.709
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	156.418.485	103.826.900
Tiền	111		56.418.485	73.826.900
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	30.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	184.092.001	273.857.197
Đầu tư ngắn hạn	121		206.394.174	273.861.437
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(22.302.173)	(4.240)
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130	8	17.377.486	5.119.064
Trả trước cho người bán	132		156.000	503.012
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	2.650.300	-
Các khoản phải thu khác	138	7	14.571.186	4.616.052
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		726.333	116.548
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		21.314	21.212
Thuế GTGT được khấu trừ	152		154.448	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	12(i)	492.799	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		57.772	95.336
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.269.106	1.525.912
II. Tài sản cố định	220		2.998.936	1.221.879
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.794.599	1.221.879
<i>Nguyên giá</i>	222		2.185.138	1.277.408
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(390.539)	(55.529)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.204.337	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.340.860	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	229		(136.523)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		270.170	304.033
Chi phí trả trước dài hạn	261		145.728	184.033
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	124.442	120.000
TỔNG TÀI SẢN	270		361.883.411	384.445.621

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		40.489.046	59.037.420
I. Nợ ngắn hạn	310		40.489.046	59.037.420
Phải trả người bán	312		1.099	-
Người mua trả tiền trước	313		706.240	1.071.778
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	63.931	4.493.017
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	33.661.835	51.756.092
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	14	6.055.941	1.716.533
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		321.394.365	325.408.201
I. Vốn chủ sở hữu	410		321.394.365	325.408.201
Vốn góp	411	15	300.000.000	300.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	417		1.520.560	1.520.560
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.520.560	1.520.560
Lợi nhuận chưa phân phối	420		18.353.245	22.367.081
TỔNG NGUỒN VỐN	440		361.883.411	384.445.621

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

31 -03- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Doanh thu	01		30.344.960	40.030.169
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		504.659	-
Doanh thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	01.2	16	15.588.260	30.000.000
Doanh thu từ đại lý phát hành chứng khoán	01.4		540.000	-
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	01.5		2.063.367	-
Doanh thu khác	01.9	17	11.648.674	10.030.169
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		30.344.960	40.030.169
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	(28.525.518)	(10.835.693)
Lợi nhuận gộp	20		1.819.442	29.194.476
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	(6.841.109)	(3.673.929)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.021.667)	25.520.547
Lợi nhuận thuần khác	40		-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		(5.021.667)	25.520.547
Chi phí thuế thu nhập - hiện hành	51	20	-	(4.466.096)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	60		(5.021.667)	21.054.451

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

31-03-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn góp VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	300.000.000	467.837	467.837	8.421.076	309.356.750
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.054.451	21.054.451
Phân bổ vào quỹ dự trữ và các quỹ	-	1.052.723	1.052.723	(2.105.446)	-
Cổ tức	-	-	-	(5.003.000)	(5.003.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	300.000.000	1.520.560	1.520.560	22.367.081	325.408.201
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(5.021.667)	(5.021.667)
Điều chỉnh của năm trước (Thuyết minh 12(i))	-	-	-	1.007.831	1.007.831
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	300.000.000	1.520.560	1.520.560	18.353.245	321.394.365

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

31 -03- 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã	Thuyết	2010	2009
	số	minh	VNĐ'000	VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		(5.021.667)	25.520.547
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		509.838	47.653
Các khoản dự phòng	03	18	22.297.933	4.240
Thu nhập tiền lãi	05	17	(11.554.718)	(10.030.169)
Thu nhập cổ tức	05	16	(13.649.888)	-
Chi phí tiền lãi	06	18	847.222	1.666.667
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			(6.571.280)	17.208.938
Biến động chứng khoán thương mại, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(1.903.852)	(214.722.444)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(47.747.430)	48.754.185
			(56.222.562)	(148.759.321)
Tiền lãi đã trả	13		(847.222)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	12(i)	(3.951.064)	(3.359.436)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(61.020.848)	(152.118.757)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.253.032)	(1.440.190)
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và ứng trước	23		(2.623.452)	(60.000.000)
Thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và vay ngắn hạn	24		60.000.000	50.000.000
Cổ tức và lãi đã nhận được	27		24.823.765	12.249.752
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30		79.947.281	809.562

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức đã trả	36		-	(5.003.000)
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		-	(5.003.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.926.433	(156.312.195)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		103.826.900	260.139.095
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	122.753.333	103.826.900

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

31-03-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 18 nhân viên (31 tháng 12 năm 2009: 15 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), làm tròn đến hàng nghìn gần nhất (“VNĐ’000”), được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKTVN 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Chứng khoán thương mại và đầu tư ngắn hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Công ty phân loại các chứng khoán được mua theo hợp đồng rồi bán lại (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đánh giá

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá niêm yết từ ba công ty chứng khoán.

Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 áp dụng cho các doanh nghiệp thành lập tại Việt Nam, không được lập dự phòng giảm giá đối với các chứng khoán không được phép mua bán tự do trên thị trường. Dự phòng giảm giá được lập đối với các chứng khoán được phép mua bán tự do trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư vào các tổ chức kinh tế (như các công ty trách nhiệm hữu hạn, các công ty cổ phần, công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác) được lập nếu các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi, nếu có.

Nguyên giá của chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư ngắn hạn như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và đầu tư ngắn hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong trường hợp không còn khả năng chắc chắn rằng các lợi ích về thuế này sẽ được sử dụng.

(n) Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này cũng như quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được luật pháp quy định và không được phép phân phối.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các chứng khoán đã niêm yết và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất đối với các chứng khoán chưa niêm yết.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tiền mặt tại quỹ	39.455	6.208
Tiền gửi ngân hàng (i)	22.713.878	73.820.692
Các khoản tương đương tiền (ii)	100.000.000	30.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	122.753.333	103.826.900
Tiền từ các nhà đầu tư liên quan đến các giao dịch chứng khoán	33.665.152	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	156.418.485	103.826.900

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có gốc tiền tệ bằng VNĐ.

- (i) Bao gồm trong khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số tiền 2.002 triệu VNĐ được Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương nắm giữ hộ theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2 (f)).
- (ii) Các khoản tương đương tiền này được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam nắm giữ theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2(f)).

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VNĐ'000
a) Cửa Công ty		
▪ Cổ phiếu	80.000	5.120.000
b) Cửa Nhà đầu tư/ Khách hàng		
▪ Cổ phiếu	11.303.380	380.809.417
	11.383.380	385.929.417

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị	So với giá thị trường		Giá trị
		theo số kế toán	Tăng	Giảm	thị trường
		VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Chứng khoán thương mại					
▪ Năm giữ bởi Công ty	606.768	16.717.832	433.500	(2.312.084)	14.839.248
▪ Năm giữ bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo hợp đồng ủy thác đầu tư (Thuyết minh 2(f))	6.485.696	189.676.342	5.158.474	(19.990.089)	174.844.727
	<u>7.092.464</u>	<u>206.394.174</u>	<u>5.591.974</u>	<u>(22.302.173)</u>	<u>189.683.975</u>

Chứng khoán thương mại bao gồm cả chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết, có giá trị tương ứng là 204.146.655 nghìn VNĐ và 2.247.519 nghìn VNĐ.

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2010	2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Số dư đầu năm	4.240	-
Tăng dự phòng trong năm (Thuyết minh 18)	22.297.933	4.240
Số dư cuối năm	<u>22.302.173</u>	<u>4.240</u>

6. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Ứng trước cho nhà đầu tư	2.623.453	-
Phải thu khác	26.847	-
	<u>2.650.300</u>	<u>-</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VNĐ'000	VNĐ'000
Phải thu tiền lãi	916.059	4.340.000
Phải thu cổ tức (i)	3.804.782	-
Phải thu khác (ii)	9.850.345	276.052
	<hr/>	<hr/>
	14.571.186	4.616.052
	<hr/>	<hr/>

- (i) Khoản phải thu cổ tức phản ánh các khoản cổ tức phải thu từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2(f)).
- (ii) Phải thu khác chủ yếu là các khoản phải thu từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương từ việc bán các khoản đầu tư ủy thác theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2(f)).

8. Biến động các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm VNĐ'000	Biến động		Số dư cuối năm VNĐ'000
		Tăng VNĐ'000	Giảm VNĐ'000	
Trả trước cho người bán	503.012	565.000	(912.012)	156.000
Phải thu từ các hoạt động giao dịch chứng khoán	-	69.341.599	(66.691.299)	2.650.300
Các khoản phải thu khác	4.616.052	84.252.087	(74.296.953)	14.571.186
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	5.119.064	154.158.686	(141.900.264)	17.377.486
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

9. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.277.408
Tăng trong năm	907.730
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.185.138
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	55.529
Khấu hao trong năm	335.010
	<hr/>
Số dư cuối năm	390.539
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.221.879
Số dư cuối năm	1.794.599
	<hr/> <hr/>

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	1.340.860
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.340.860
	<hr/>
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	136.523
	<hr/>
Số dư cuối năm	136.523
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	1.204.337
	<hr/> <hr/>

11. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VNĐ và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGDCK của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Số dư đầu năm	120.000	-
Tăng trong năm	4.442	120.000
Số dư cuối năm	<u>124.442</u>	<u>120.000</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Thuế thu nhập cá nhân	63.931	26.921
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	4.466.096
	<u>63.931</u>	<u>4.493.017</u>

(i) Biến động về nghĩa vụ thuế phải nộp Ngân sách nhà nước như sau:

	Thuế thu nhập cá nhân VNĐ'000	Thuế thu nhập doanh nghiệp VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư đầu năm	26.921	4.466.096	4.493.017
Số phát sinh	203.944	-	203.944
Trích lập thừa các năm trước (*)	-	(1.007.831)	(1.007.831)
Số thuế nộp trong năm	(166.934)	(3.951.064)	(4.117.998)
Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Ngân sách Nhà nước	<u>63.931</u>	<u>(492.799)</u>	<u>(428.868)</u>

(*) Đây là khoản trích lập thừa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho giai đoạn từ ngày 18 tháng 9 năm 2008 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (i)	33.661.835	-
Tạm ứng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam để mua chứng khoán	-	50.000.000
Phải trả khác	-	1.756.092
	<u>33.661.835</u>	<u>51.756.092</u>

- (i) Các khoản này liên quan đến các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty, trong đó số dư của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam là 31.032.517 nghìn VNĐ.

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2010 VNĐ'000	31/12/2009 VNĐ'000
Phải trả tiền thuê văn phòng	4.430.209	1.374.697
Phí quản lý phải trả (i)	1.625.732	341.836
	<u>6.055.941</u>	<u>1.716.533</u>

- (i) Khoản này phản ánh khoản phí quản lý danh mục đầu tư phải trả cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2(f)), được tính theo tỉ lệ 0,2% - 0,5% giá trị tài sản thuần (NAV) của danh mục đầu tư.

15. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là 300 tỷ VNĐ.

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

16. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.938.372	-
Thu nhập cổ tức	13.649.888	-
Thu nhập từ lãi trái phiếu	-	30.000.000
	<u>15.588.260</u>	<u>30.000.000</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

17. Doanh thu khác

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng	6.934.718	4.352.669
Thu nhập lãi từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	4.620.000	5.677.500
Doanh thu khác	93.956	-
	<u>11.648.674</u>	<u>10.030.169</u>

18. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	8.904.000
Chi phí lãi	847.222	1.666.667
Chi phí tư vấn	461.864	89.425
Phí quản lý phải trả cho các hợp đồng ủy thác đầu tư	3.940.947	46.019
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	22.297.933	4.240
Chi phí khác	977.552	125.342
	<u>28.525.518</u>	<u>10.835.693</u>

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí nhân viên	2.343.185	1.421.557
Chi phí thuê văn phòng	2.922.002	1.374.697
Chi phí nguyên vật liệu, công vụ và dụng cụ	180.118	18.762
Chi phí khấu hao	335.010	47.653
Chi phí khác	1.060.794	811.260
	<u>6.841.109</u>	<u>3.673.929</u>

20. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	-	4.466.096

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2010 VNĐ'000	2009 VNĐ'000
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(5.021.667)	25.520.547
Thuế theo thuế suất của Công ty	(1.255.417)	6.380.137
Ưu đãi thuế	-	(1.914.041)
Thuế theo thuế suất của Công ty	(1.255.417)	4.466.096
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.255.417	-
	-	4.466.096

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho cả năm 2009.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2010	2009	2010	2009
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam				
Tiền gửi	-	-	14.737.528	66.435.491
Hợp đồng ủy thác đầu tư	70.000.000	64.000.000	100.000.000	30.000.000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	-	31.032.518	-
Phải thu khác	-	-	854.213	-
Thu nhập tiền lãi từ các hợp đồng ủy thác đầu tư	6.327.014	-	-	-
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi	517.042	532.889	-	-
Chi phí tiền lãi	847.222	-	-	-
Ứng trước để mua chứng khoán	-	50.000.000	-	50.000.000
Bán chứng khoán	-	250.846.000	-	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	200.000.000	200.000.000
Phải thu khác	-	-	13.365.404	-
Phí quản lý danh mục đầu tư	3.940.947	-	-	-
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam				
Tiền thuê văn phòng	2.922.002	-	-	-
Phí quản lý	118.800	-	-	-
Phải trả khác	-	-	4.296.699	-

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

31-03-2011